

PHÁT HIỆN THÊM VỀ KHU VỰC PHÂN BỐ CỦA LOÀI ỐC MÍT MIỆNG NÂU *Cassidula doliolum* (Petit, 1843) TRONG HỆ SINH THÁI RỪNG NGẬP MẶN VEN BIỂN BẮC BỘ VÀ BẮC TRUNG BỘ, VIỆT NAM

HOÀNG NGỌC KHẮC

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Ốc mít miệng nâu *Cassidula doliolum* (Petit, 1843) là một trong 17 loài thuộc giống *Cassidula* Férussac, 1821 (Theo Bouchet, P. (2014)) [1]. Đây là loài được Petit phát hiện và mô tả năm 1843 [8] với tên là *Auricula doliolum* Petit de la Saussaye, 1843. Theo các nhà khoa học quốc tế, hiện nay loài này phân bố chủ yếu ở vùng ven biển phía bắc Australia, Đài Loan và Philippin [6,7,8,10]. Gần đây, các nhà khoa học còn phát hiện loài này phân bố ở Singapore (Tan Siong Kiat et al, 2010) [9]. Năm 2011, nhóm nghiên cứu thuộc Bảo tàng Quốc gia sinh học biển của Đài Loan đã xác định sự có mặt của loài *Cassidula doliolum* ở Đài Loan mà trước đây chưa từng được ghi nhận ở vùng Đông Nam châu Á.

Ở Việt Nam, theo ghi nhận của Jorgen Hylleberg và Richard N. Kilburn (2003) [2], loài *Cassidula doliolum* chỉ thấy có mẫu ở Đại học Thủy sản Nha Trang với tên là *Cassidula dodiotum* K. R. Jensen cho rằng có thể là *Cassidula doliolum*. Tuy nhiên, không thấy mô tả đặc điểm của loài này, đồng thời trong các báo cáo về động vật đáy ở Việt Nam cũng không thấy đề cập tới loài này. Cũng như chưa thấy ghi nhận sự có mặt của loài này ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ của Việt Nam.

Trong các đợt nghiên cứu của chúng tôi từ năm 2001 đến năm 2013 tại khu vực ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã thu được nhiều mẫu của loài này. Tuy nhiên do chưa đủ tài liệu tham khảo nên chưa định loại được các mẫu này tới loài mà vẫn để tên là *Ellobium* sp₂ [3, 4], *Cassidula* sp₁ [5].

Trong bài viết này cung cấp một số ghi nhận về khu vực phân bố, môi trường sống, một số đặc điểm sinh học, sinh thái của loài *Cassidula doliolum* ở khu vực ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, Việt Nam.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

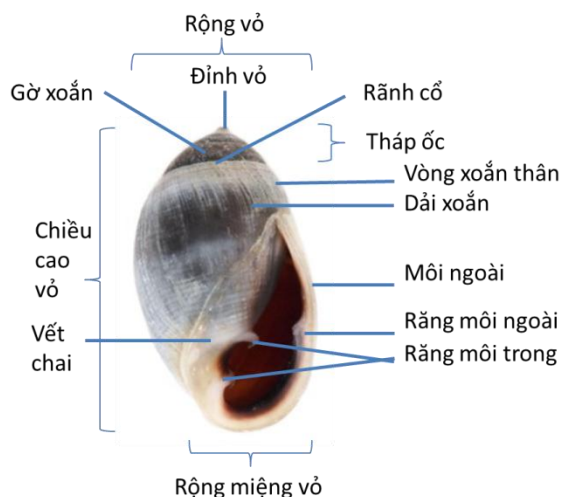
Vật liệu nghiên cứu: 15 mẫu thu ở khu vực ven rừng ngập mặn xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, tháng 7/2001, tháng 5/2009; 6 mẫu thu tại ven sông Lạch Vạn, thuộc xã Diễn Kim và Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, tháng 4/2005 và tháng 4/2013; 5 mẫu thu tại rừng ngập mặn Cửa Nhượng (xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh).

Mẫu được định hình trong dung dịch formalin 8% và bảo quản trong dung dịch formalin 4%. Một số mẫu được bảo quản vỏ khô sau khi loại bỏ phần thân mềm bên trong.

Định loại mẫu theo tài liệu của Martins, A. M. de F. (1996) thông qua các đặc điểm hình thái ngoài của vỏ như: Đặc điểm về hình dạng, kích thước, màu sắc đỉnh vỏ, tháp ốc, vòng xoắn thân, miệng vỏ, các răng vỏ, vết chai miệng vỏ,... với kích thước các phần: H-chiều cao vỏ; h-chiều cao tháp ốc, Lo- chiều dài miệng vỏ; lo- chiều rộng miệng vỏ.



Hình 1: Vị trí thu mẫu



Hình 2: Sơ đồ hình thái ngoài vỏ ốc

Mẫu được lưu tại: Trung tâm nghiên cứu Động vật đất, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Vị trí phân loại của loài ốc mít miệng nâu *Cassidula doliolum* (Petit, 1843)

Lớp: Gastropoda Cuvier, 1797

Phân lớp: Pulmonata Cuvier, 1817

Bộ: Archaeopulmonata Morton, 1955

Họ: Ellobiidae H. & A. Adams in Pfeiffer, 1854

Phân họ: Pythiinae H. & A. Adams in Pfeiffer, 1854

Giống: *Cassidula* Férussac, A.E.J. de, 1821

Loài: *Cassidula doliolum* (Petit, 1843)

Synonym: *Auricula doliolum* Petit de la Saussaye, 1842

Auricula doliolum Petit, 1843; *Cassidula (Cassidulta) doliolum* (Petit, 1843)

Cassidula doliolum (Petit, 1842)

2. Đặc điểm hình thái

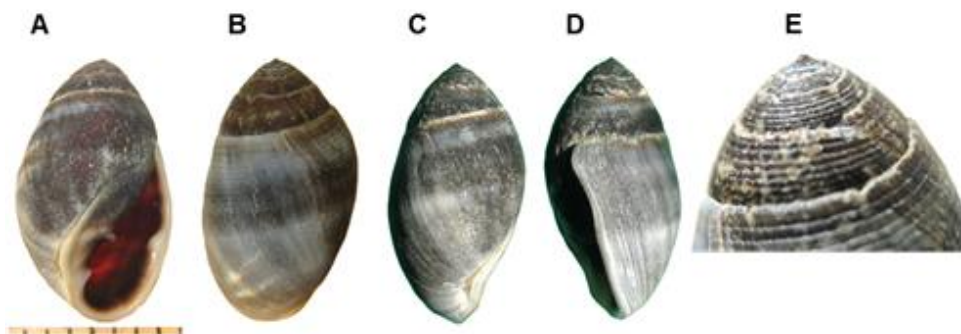
Vỏ dài từ 9,5 mm đến 12 mm, hình bầu dục dày và ngắn. Miệng vỏ hình tai lỗ rốn giả, dạng khe hẹp chạy dọc. Tháp ốc tương đối thấp nhưng có đỉnh vỏ nhọn, có 5-6 vòng xoắn với các vòng màu nâu đỏ hoặc màu nâu sẫm xen kẽ. Các vòng xoắn lồi, trên mỗi vòng xoắn có 8 gờ xoắn. Rãnh giữa vòng xoắn thân với tháp ốc thấy rõ. Trên vòng xoắn thân có các dải xoắn màu nâu và xanh lơ xen kẽ nhau. Dải xoắn nâu cuối cùng nhạt dần sang màu xanh lơ.

Vòng xoắn thân có chiều dài bằng khoảng 85% chiều dài vỏ ốc, đường kính lớn nhất là 4,8mm, và hẹp nhất là 3mm. Nhìn từ phía miệng vỏ thấy rãnh xoắn cuối và góc sau lỗ miệng vỏ nằm giữa dải màu nâu của vòng xoắn thân.

Miệng vỏ hơi nghiêng, hình bầu dục, hẹp, phía sau nhọn, phía trước tròn. Lóp xà cừ mỏng, bao trùm và lan rộng lên phần trụ ốc, tạo thành một lỗ rốn giả, hẹp, mép trước và mép sau liên

kết với nhau qua vết chai sáng bóng, vết chai này mỏng dần ở nửa sau của môi trong; nửa trước của vết chai và mép môi ngoài có màu trắng sứ, nửa sau vết chai có màu giống với màu của vòng xoắn thân. Ở mép môi trong miệng vỏ có 2 răng màu nâu nhạt cách đều gần bằng nhau: một chiếc phía trước nghiêng, chiếc phía sau chắc khỏe nằm ở khoảng giữa môi trong và gần vòng góc với trụ ốc. Một mấu lồi ở giữa mép trong của môi ngoài làm cho nửa trước của môi ngoài dày và nửa sau mỏng hơn. Mặt trong lỗ miệng vỏ có màu nâu đỏ hoặc nâu sẫm (hình 3).

Kích thước: H=9,5-12,0 mm; h=3,0-4,0 mm; Lo=6,8-8,0 mm; lo=4,0-5,0 mm.



Hình 3: Hình dạng ngoài của ốc mít miệng nâu *Cassidula doliolum*

A: Nhìn từ phía lỗ miệng vỏ; B: Nhìn phía lưng; C-D: Nhìn phía bên; E: Tháp ốc (phóng to).

Ở Việt Nam, giống *Cassidula* hiện có 5 loài. Trong đó loài *Cassidula doliolum* có hình dạng rất giống với loài *Cassidula sowerbyana*. Có thể phân biệt 2 loài này về kích thước và màu sắc. Về kích thước, loài *Cassidula sowerbyana* có vỏ dài tới 15 mm còn loài *Cassidula doliolum* chỉ tới 12mm. Về màu sắc, loài *Cassidula sowerbyana* có màu nâu nhạt, còn loài *Cassidula doliolum* có các dải xoắn màu nâu và xanh lơ xen kẽ nhau. Ở môi trường tự nhiên, loài *Cassidula doliolum* sống cùng môi trường sinh thái với loài *Cassidula sowerbyana*, tuy nhiên quần thể của 2 loài này luôn tách rời nhau.

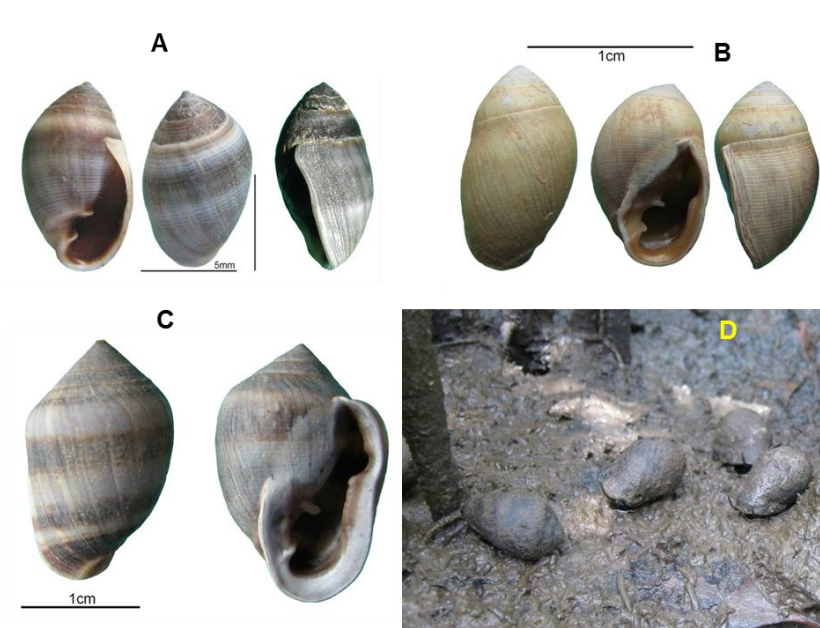
Về màu sắc: Loài *Cassidula doliolum* có màu sắc gần giống với loài *Cassidula mustelina* có các dải xoắn màu nâu và xanh lơ xen kẽ nhau, nhưng các dải xoắn này ở loài *Cassidula mustelina* tách biệt rõ hơn ở loài *Cassidula doliolum*. Hai loài này được phân biệt qua kích thước và môi trường sống. Về kích thước, loài *Cassidula mustelina* có kích thước lớn gấp đôi loài *Cassidula mustelina*. Về môi trường sống, trong khi loài *Cassidula doliolum* chỉ sống ở mặt bùn ven rừng ngập mặn trong vùng triều thì loài *Cassidula mustelina* lại chỉ sống ở mặt bùn, bám vào rễ, vào thân cây ngập mặn trong rừng ngập mặn chủ yếu ở vùng triều cao (hình 4).

Môi trường sống: Loài *Cassidula doliolum* được tìm thấy trong hệ sinh thái rừng ngập mặn, ở cửa sông và vùng triều. Mặc dù sống trong hệ sinh thái rừng ngập mặn nhưng loài này chỉ thấy ở những khoảng trống ven rừng ngập mặn. Mỗi quần thể thường tập trung khoảng 7-15 cá thể trên mặt bùn, nơi không có cây ngập mặn trong vùng triều hoặc xuất hiện ở ven các kênh, rạch sát rừng ngập mặn. Đặc biệt không bao giờ gặp loài này ở bên trong rừng.

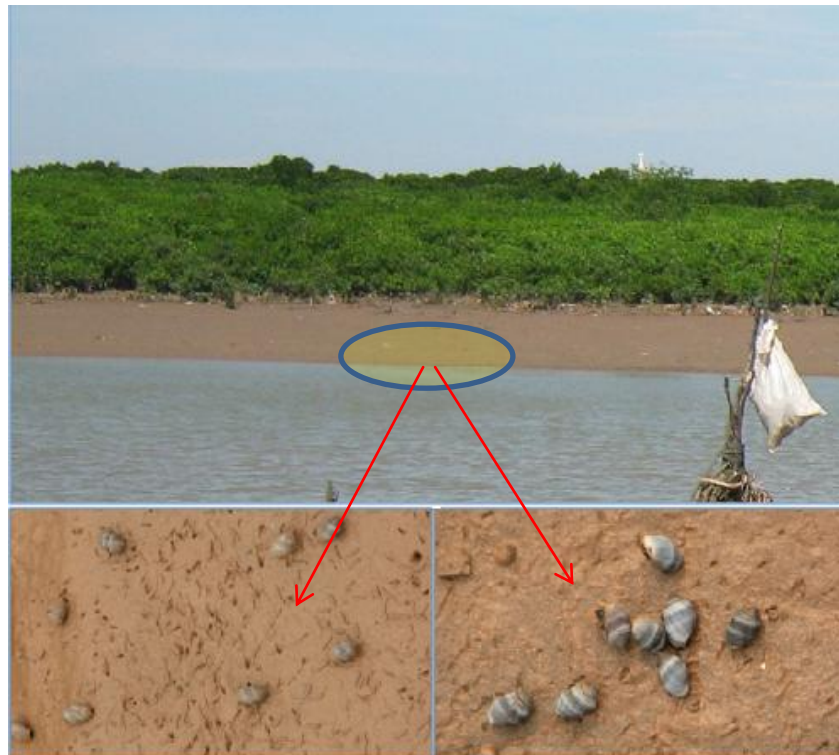
3. Phân bố

Trên thế giới: Theo Smith B. J và cs, 2002 [10], loài *Cassidula doliolum* phân bố ở Australian Region-Australia: Northern Territory (N coastal, N Gulf), Queensland (N Gulf, NE coastal), Philippines, Indonesia. Theo thông tin từ trang *taiwantoday.tw* [7], loài này được phát hiện phân bố ở bãi bùn lầy ven biển Đài Loan. Trong Danh lục động vật thân mềm của Singapore, Siong Kiat Tan năm 2010 cũng ghi nhận sự có mặt của loài này [9].

Ở Việt Nam: Huyện Giao Thủy, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An; huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.



Hình 4: Loài *Cassidula doliolum* (A), *Cassidula sowerbyana* (B) và *Cassidula mustelina* (C-D)



Hình 5: Một quần thể *Cassidula doliolum* ở trên mặt bùn ven rừng ngập mặn dọc bên bờ sông Lạch Vạn, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An

III. KẾT LUẬN

Loài ốc mít miệng nâu *Cassidula doliolum* (Petit, 1843) thuộc giống *Cassidula*, họ Ellobiidae mới được ghi nhận trong hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ở Việt Nam. Đặc điểm của loài được mô tả dựa trên các mẫu vật thu được trong hệ sinh thái rừng ngập mặn cửa sông ven biển huyện Giao Thủy (Nam Định), huyện Diên Châu (Nghệ An), huyện Cẩm Xuyên (Hà Tĩnh) từ năm 2001 đến tháng 4 năm 2013. Loài này được đặc trưng bởi kích thước nhỏ với chiều dài 9,5-12,0 mm, hình bầu dục mập và chắc cùng với miệng vỏ hình tai hẹp, lỗ rốn không rõ. Vòng xoắn thân chiếm khoảng 85% chiều dài vỏ, có các vòng quanh thân màu xanh nâu và trắng xanh xen kẽ nhau.

So sánh với các loài cùng giống có ở Việt Nam như *Cassidula sowerbyana* (Pfeiffer, 1853), *Cassidula mustelina* (Deshayes, 1830) thì loài mới có sự khác biệt chủ yếu ở màu sắc trên vòng xoắn thân và màu nâu đen của lỗ miệng vỏ, cũng như có kích thước nhỏ nhất. Ngoài ra loài này chỉ sống trên mặt bùn ven rừng ngập mặn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bouchet, P.**, 2014. *Cassidula* Gray, 1847. Accessed through: World Register of Marine Species (<http://www.marinespecies.org/aphia.php?p=taxdetails&id=205152>)
2. **Hylleberg, J., R. N. Kilburn**, 2003. Marine molluscs of Vietnam. Annotations, voucher material, and species in need of verification Phuket Marine Biological Center Special Publication 28: 1-300.
3. **Hoàng Ngọc Khắc, Đỗ Văn Nhượng**, 2003. Báo cáo khoa học, Hội nghị toàn quốc lần thứ hai, nghiên cứu cơ bản trong sinh học, Nông nghiệp, Y học. Huế. Nxb. KHKT, trang: 631-635.
4. **Hoàng Ngọc Khắc, Đoàn Văn Long**, 2004. Thành phần và sự phân bố của Thân mềm Chân bụng trong rừng ngập mặn xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Tuyển tập báo cáo “Hệ sinh thái rừng ngập mặn vùng ven biển đồng bằng sông Hồng”. Nxb. Nông nghiệp, trang: 75-84.
5. **Hoàng Ngọc Khắc, Đỗ Văn Nhượng, Hồ Thanh Hải**, 2010. Tạp chí Sinh học, tập 33(2): 19-29
6. **Martins, A. M. de F.**, 1996. Anatomy and systematics of the Western Atlantic Ellobiidae (Gastropoda: Pulmonata). *Malacologia* 37: 163-332.
7. **Ministry of Foreign Affairs, Republic of China** (Taiwan), 2015. In the News. <http://taiwantoday.tw/ct.asp?xItem=217744&ctNode=445>.
8. **Petit, de la S.M.**, 1843. Descriptions of a new species of shells belonging to the genus *Auricula*, collected by H. Cuming, Esq., Proceedings of the Zoological Society of London.
9. **Siong Kiat Tan, Henrietta P. M. Woo**, 2010. A Preliminary Checklist of the Molluscs of Singapore. Raffles Museum of Biodiversity Research, National University of Singapore.
10. **Smith B.J., S. Reid, W.F. Ponder, A. Wells (ed)**, 2002. Australian Faunal Directory (Pulmonata): 05-31.

**NEW DISTRIBUTIONAL RECORDS OF BAREL CROWN EAR SNAIL
Cassidula doliolum IN MANGROVE ECOSYSTEM OF NORTH AND NORTH
CENTRAL COAST, VIETNAM**

HOANG NGOC KHAC

SUMMARY

Barrel crown ear snail, *Cassidula doliolum*, is one of 17 species belonging to the genus *Cassidula*. This species had been recorded in Australia, Taiwan, Philippines, Singapore. In Vietnam, *Cassidula doliolum* was only known from the collection of Nha Trang University. It was recently recorded in mangrove ecosystem of North and North Central Coast, Vietnam. The characteristic of barrel crown ear snail is described based on specimens collected from 2001 to April, 2013 at estuary and littoral mangrove ecosystem of Giao Thuy district (Nam Dinh province), Dien Chau district (Nghe An province) and Cam Xuyen district (Ha Tinh province). This species is identified by length 9.5mm to 12.0mm, small, thick and short oval shell, with characteristically ear shape aperture, narrowly pseudo-umbilicated. Body whorl about 85% of total shell length, and with brown and whitish blue spiral bands.

In comparison to others species of *Cassidula* in Vietnam, such as *Cassidula sowerbyana*, *Cassidula mustelina*, *Cassidula doliolum* is distinguished mainly by brown and whitish blue spiral bands in color of shell, color of aperture open (red brown or dark brown), and size.